

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 761/QĐ-ĐHKG, ngày 17 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **Ngôn ngữ Anh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**

Mã số: **7 22 02 01**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, có đạo đức, tri thức, có kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức đối tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.

Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có yêu cầu kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh. Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ Anh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo sẽ đạt được 4 mục tiêu sau:

- Đạt kiến thức kỹ năng thái độ trình độ đại học về Ngôn ngữ Anh
- Có năng lực tiếng Anh bậc 5/6 và ngoại ngữ khác bậc 3/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam)
- Có hiểu biết về các giá trị đạo đức, ý thức trách nhiệm công dân, văn hóa – xã hội, kinh tế và pháp luật.
- Có năng lực tự học tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động nghề nghiệp.

1.2.1. Kiến thức

a. Kiến thức chung

Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật;

người học

hiểu rõ chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước; hình thành đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tính trung thực trong công việc và nhận thức được trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng, sức khỏe, tinh thần yêu nước, ý chí xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

Kiến thức thực tế về việc vận dụng các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Anh tương đương bậc 5 trong KNLNN vào việc học tập và nghiên cứu; kiến thức về kỹ năng đọc hiểu mở rộng và kỹ năng viết báo cáo khoa học và các văn bản mang tính học thuật khác bằng tiếng Anh nhằm giúp người học có thể tiếp tục theo học sau đại học ở trong và ngoài nước.

Kiến thức lý thuyết vững chắc về các học phần thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học tiếng Anh nhằm giúp người học có thể nghiên cứu sâu về lĩnh vực Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh để có thể theo học sau đại học và học tập suốt đời.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp: Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường; Có kỹ năng nghe và nói tiếng Anh tương đối thành thạo đáp ứng được yêu cầu về chuẩn tiếng anh cần có đối với các vị trí việc làm cụ thể trong thực tế; Có kỹ năng sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng như microsoft như word, excel, powerpoint; ó kỹ năng giao tiếp tốt trước công chúng bằng tiếng Anh và tiếng Việt; Có kỹ năng giải quyết một số vấn đề hiệu quả bằng việc sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt.

Kỹ năng mềm : Làm việc độc lập; Làm việc theo nhóm và với cộng đồng; Giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn; Thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; Sử dụng tin học phục vụ công việc chuyên môn và quản lý.

1.2.3. Thái độ

Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; Có sự tôn trọng các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; Có ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; Tích cực thể hiện ý kiến, quan điểm phản biện cá nhân nhằm mục đích góp ý xây dựng; Có thái độ tự giác xây dựng kế hoạch cá nhân; Có tinh thần hợp tác và ham học hỏi, luôn có ý thức tự học, tự trao đổi kiến thức và năng lực của bản thân.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc tốt ở các vị trí sau:

Đài phát thanh – truyền hình, nhà xuất bản, thư viện, sở ngoại vụ, sở tư pháp; Các tổ chức ngoại giao; Các công ty nước ngoài, tổ chức phi chính phủ.; Các cơ sở nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa; Cơ sở giáo dục và đào tạo; Cơ sở du lịch, lữ hành; Nhà hàng, khách sạn, và khu vui chơi giải trí.

Ngoài ra nếu vì những lý do khác, sinh viên không thể hoặc không muốn làm việc trong chuyên ngành đã được đào tạo, sinh viên vẫn có thể làm việc trong các doanh nghiệp có nhu cầu về nhân viên được trang bị kỹ năng tiếng Anh tốt.

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:

Trình độ ngoại ngữ: Có khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh; có trình độ ngoại ngữ 2 đạt một trong số các ngôn ngữ sau: Ngôn ngữ Pháp: đạt chuẩn tương đương DELF 1; Ngôn ngữ Trung: đạt chuẩn tương đương HSK cấp 3; Ngôn ngữ Nga: đạt chuẩn tương đương TRKI-1.

Trình độ tin học: Có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong lĩnh vực văn phòng; sử dụng thành thạo internet phục vụ cho việc nắm bắt thông tin và trao đổi công việc hàng ngày qua hệ thống thư điện tử.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. *Khối kiến thức giáo dục đại cương*

Có hiểu biết những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, chính sách pháp luật của nhà nước; Có kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), ứng dụng và khai thác CNTT phục vụ công việc trong thực tiễn.

2.1.2. *Khối kiến thức cơ sở ngành*

Nắm vững và vận dụng hệ thống kiến thức ngôn ngữ Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết, ngữ dụng, văn hóa ...) vào mục đích sử dụng ngôn ngữ theo bối cảnh cụ thể.

2.1.3. *Khối kiến thức chuyên ngành*

Nhận biết được vấn đề, tổ chức các hoạt động để giải quyết các vấn đề và đánh giá hiệu quả các hoạt động chuyên môn liên quan trong lĩnh vực ngôn ngữ cụ thể như biên phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh ...; Hiểu được sự khác biệt giữa các cá nhân, các tập thể để hoạch định, quản lý, điều hành và điều chỉnh các hoạt động trong công việc.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. *Kỹ năng nghề nghiệp*

Có những kỹ năng ngôn ngữ để hoàn thành công việc chuyên sâu liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh; Có kỹ năng ứng dụng kiến thức vào việc xây dựng, tổ chức các hoạt động liên quan đến Ngôn ngữ Anh để đáp ứng nhu cầu xã hội; Có năng lực ngoại ngữ hai đạt bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2.2.2. *Kỹ năng mềm*

Có kỹ năng tư duy độc lập, phản biện, và linh hoạt để thích nghi trong môi trường làm việc luôn biến đổi; Có kỹ năng phân tích và đánh giá kết quả công việc của cá nhân và tập thể; Có kỹ năng triển khai công việc và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc;

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có tính độc lập và ý thức tự chịu trách nhiệm và linh hoạt trong công việc; Có khả năng dẫn dắt và kiểm tra các hoạt động trong công việc có liên quan đến chuyên môn; Có khả năng đưa ra kết luận và bảo vệ các luận điểm của mình về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ; Có tính chủ động trong việc, lập kế hoạch, quản lý, phân tích và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động.

2.4 Ma trận kỹ năng

TR
Đ
KIẾ

STT	Mã HP	Tên HP	Kiến thức	Kỹ năng cứng	Kỹ năng mềm	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
NĂM THỨ 1						
HỌC KỲ 1						
Học phần bắt buộc						
1	F06034	Nghe nói B1.1	x	x		
2	F06035	Đọc B1.1	x	x		
3	F06033	Nhập môn ngôn ngữ Anh			x	x
4	F06036	Ngữ pháp cơ bản	x			
5	F06005	Ngữ âm thực hành	x			
6	A05008	Giáo dục thể chất 1				x
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)						
7	F05007	Tiếng Trung 1 (2TC)		x		
8	F05008	Tiếng Pháp 1 (2TC)				
HỌC KỲ 2						
Học phần bắt buộc						
1	F06037	Ngữ pháp trung cấp	x			
2	F06038	Nghe nói B1.2	x	x		
3	F06040	Đọc B1.2	x	x		
4	A05005	Pháp luật đại cương	x			
5	A05009	Giáo dục thể chất 2				x
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)						
6	F05018	Tiếng Trung 2 (2TC)		x		
7	F05019	Tiếng Pháp 2 (2TC)				
HỌC KỲ 3						
Học phần bắt buộc						
1	F06041	Ngữ pháp nâng cao	x			
2	Z05005	Triết học Mác – Lê nin	x			
3	F06042	Nghe nói B1.3	x	x		
4	F06043	Đọc B1.3	x	x		
5	A05010	Giáo dục thể chất 3				x
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)						
6	F25004	Tiếng Trung 3 (2TC)		x		
7	F25005	Tiếng Pháp 3 (2TC)				
NĂM THỨ 2						
HỌC KỲ 4						

Học phần bắt buộc						
1	Z06001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	x			
2	Z06002	Công tác quốc phòng và an ninh	x			
3	Z06003	Quân sự chung	x			
4	Z06004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x			
5	Z05007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			
HỌC KỲ 5						
Học phần bắt buộc						
1	A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam	x		x	
2	F06046	Nghe nói B2.1	x	x		
3	F06039	Viết cơ bản	x	x		
4	F06047	Đọc B2.1	x	x		
5	G05097	Tin học cơ sở	x			
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)						
6	A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt (2TC)	x			
7	H06001	Sinh thái học môi trường (2TC)				
8	A05031	Lịch sử văn minh phương tây (2TC)				
HỌC KỲ 6						
Học phần bắt buộc						
1	F06044	Viết trung cấp	x	x		
2	F06048	Nghe nói B2.2	x	x		
3	F06049	Đọc B2.2	x	x		
4	F07005	Lý Thuyết Dịch	x			
5	F27004	Dẫn luận ngôn ngữ	x			
6	Z05006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x			
NĂM THỨ 3						
HỌC KỲ 7						
Học phần bắt buộc						
1	F06045	Viết nâng cao	x	x		
2	F07009	Biên dịch		x		
3	F07020	Lý thuyết ngữ âm	x			
4	F06050	Nghe nói C1.1	x	x		
5	F06051	Đọc C1.1	x	x		

Ứ
 H
 NG
 ★



6	F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn	x	x		x
HỌC KỲ 8						
Học phần bắt buộc						
1	F07010	Phiên dịch		x		
2	F07021	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	x		x	
3	F06052	Nghe nói C1.2	x	x		
4	F06053	Đọc C1.2	x	x		
5	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			
HỌC KỲ 9						
1	F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	x			
2	Z05008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x			
3	F07007	Ngữ âm và hình thái	x			
4	F07018	Ngoại khóa ngôn ngữ Anh			x	x
5	F07022	Văn học Anh – Mỹ	x			
HỌC KỲ 10						
Học phần bắt buộc						
1	F07019	Nói trước công chúng		x	x	
2	F07004	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế		x		
3	F27022	Khóa luận tốt nghiệp (NNA)		x	x	x
Hoặc SV chọn 10TC trong các HP sau						
1	F27020	Phiên dịch: Du lịch và Lễ hành (2TC)		x		
2	F27021	Biên dịch: Du lịch, lễ hành (2TC)		x		
3	F27024	Biên dịch Môi trường (2TC)		x		
4	F27007	Biên dịch Kỹ thuật (3TC)		x		
5	F27023	Viết học thuật (2TC)	x	x		
6	F07017	Phương pháp giảng dạy Ngôn ngữ Anh (2TC)		x		
7	F27008	Biên dịch thư tín văn phòng (3TC)		x		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ (Không kể khối lượng kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức		Kiến thức	
			Bắt buộc		tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)

I. Kiến thức giáo dục đại cương	26	22.3	18	14.9	8	7.4
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94	77.7	88	72.7	6	5.0
· Kiến thức cơ sở ngành	57	47.1	57	47.1	0	0.0
· Kiến thức chuyên ngành	37	30.6	27	22.3	0	0.0
· Khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	8.3	0	0.0	10	8.3
Cộng	120	100	106	87.6	14	12.4

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi vào ngành Ngôn ngữ Anh thương mại. Cụ thể:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

6. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ điểm 0 đến điểm 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và điểm tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú (học phần song hành)
			LT	TH	Tự học	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
Z05005	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.	45		90	

		<p>Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin.</p>			
Z05006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<p>Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp nội dung phù hợp với đối tượng sinh viên bậc đại học.</p> <p>Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.I</p>	30	60	Triết học Mác-Lênin
Z05007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin.</p> <p>Giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p>	30	60	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.</p> <p>Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học</p>	30	60	Chủ nghĩa xã hội khoa học

		tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			
Z05008	Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Về nội dung: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).</p> <p>Về tư tưởng: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào.</p> <p>Về kỹ năng: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử, kỹ năng.</p>	30	60	Tư tưởng Hồ Chí Minh
A05005	Pháp luật đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật, quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung các ngành luật cơ bản và quan trọng của nhà nước Việt Nam hiện nay; nhằm rèn luyện cho người học sống và làm việc theo pháp luật.	30	60	
A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những chủ đề khái quát về văn hóa, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài.	30	60	
A05013	Thực hành văn bản Tiếng Việt (2TC)	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết khái quát về văn bản tiếng Việt ở cấp độ cao nhất là văn bản. Tập trung hướng dẫn sinh viên rèn luyện ngôn ngữ, phương pháp tiếp nhận, tạo lập một văn bản	30	60	

GIÁO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

		<p>khoa học thông qua việc thực hiện hệ thống bài tập thực hành để rèn luyện ngôn ngữ. Đồng thời nội dung học phần giáo dục cho SV thái độ yêu và trân trọng tiếng mẹ đẻ; hình thành, phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát Chủ đề; kỹ năng trình bày một văn bản/chủ đề khoa học, đáp ứng yêu cầu học tập nghiên cứu.</p>			
H06001	Sinh thái học môi trường (2TC)	<p>Học phần giúp SV: xác định vai trò của sinh thái học môi trường; phân tích mối liên hệ giữa sinh vật với môi trường, các nguyên nhân chính gây mất đa dạng sinh học, gây suy thoái môi trường; phân biệt các loại chỉ thị sinh học đất, nước, không khí, và diễn thế nguyên sinh & diễn thế thứ sinh; có hiểu biết về mối quan hệ giữa suy thoái môi trường & diễn thế sinh thái, các chủ đề về môi trường đất, môi trường nước tại Việt Nam; xác định vai trò, đặc điểm của hệ sinh thái đô thị, đô thị sinh thái; xác định vai trò, đặc điểm của hệ sinh thái môi trường nông thôn; phân tích các chủ đề môi trường nông thôn; phân biệt các phân vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam.</p>			
A05031	Lịch sử văn minh phương tây (2TC)	<p>Hiểu được kiến thức cơ bản về văn minh và văn hoá phương Tây. Hiểu được khái niệm về văn minh, phân biệt văn hoá-văn minh. Nhận diện một số nền văn minh, nắm vững những vấn đề chung về văn minh. Khái quát được về một trong số nền văn minh cổ xưa rực rỡ nhất của lịch sử văn minh nhân loại, những di sản và thành tựu nổi bật của nền văn minh Hy-La cổ đại và các nền văn minh lớn trên thế giới.</p>			
G05097	Tin học cơ sở	<p>Học phần giới thiệu tổng quan về công nghệ thông tin, biểu diễn và xử lý thông tin trên máy tính điện tử, tổng quan về máy tính; mạng máy tính và Internet; Sau khi kết thúc học phần, SV có hiểu biết về cách sử dụng hệ điều hành, sử dụng bộ phần mềm văn phòng, sử dụng thành thạo hệ điều hành Microsoft Windows, phần mềm soạn thảo văn bản</p>	45	90	

		Microsoft Word, phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel, phần mềm tạo bản thuyết trình Microsoft PowerPoint; đồng thời biết sử dụng các dịch vụ Internet để tìm kiếm, trao đổi thông tin, có hiểu biết tổng quan về công nghệ thông tin, biểu diễn và xử lý thông tin trên máy tính điện tử, tổng quan về máy tính; mạng máy tính và Internet; sử dụng hệ điều hành; sử dụng bộ phần mềm văn phòng. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng sử dụng thành thạo hệ điều hành Microsoft Windows, phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel, phần mềm tạo bản thuyết trình Microsoft, PowerPoint; đồng thời biết sử dụng các dịch vụ Internet để tìm kiếm, trao đổi thông tin..			
A05008	Giáo dục thể chất 1	<p>Trong học phần GDTC 1, SV sẽ được học môn Điền kinh. Việc tập luyện Điền kinh sẽ tác động đến các tổ chức của các cơ quan trong cơ thể người tập, giúp người tập phát triển sức khỏe và các tổ chất thể lực. Đặc biệt tập chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình giúp người tập phát triển sức nhanh, sức bền, dẻo - khéo léo và khả năng phối hợp vận động. Ngoài ra tập luyện Điền kinh còn là một quá trình rèn luyện, bồi dưỡng con người phát triển toàn diện về phẩm chất tâm lý – ý chí, ý thức, tính kiên trì và dũng cảm...Người học sẽ nắm được nguyên lý kỹ thuật và kỹ chiến thuật của chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, để áp dụng vào trong giảng dạy, huấn luyện và trong thi đấu.</p> <p>Học phần trang bị đầy đủ cho người học về phương pháp giảng dạy, cách tập luyện Điền kinh và những điểm cơ bản trong luật Điền kinh.</p>	15	30	
A05009	Giáo dục thể chất 2	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ các kiến thức cơ bản của môn bóng chày: lịch sử, nguồn gốc, các giai đoạn phát triển,... Sinh viên xác định tính chất và tác dụng của môn	15	30	Giáo dục thể chất 1

10
 T
 E
 K
 B
 C

		<p>bóng chuyên đối với cuộc sống. Sinh viên hiểu rõ những điều luật quy định, điều luật về môn bóng chuyên: kích thước sân bãi, lưới, bóng, ghi điểm, libero, thay người, hỏi ý lỗi chạm lưới, lỗi sang sân đối phương, lỗi phát bóng, lỗi sai vị trí... các bài tập hoàn thiện kỹ thuật, thể lực hình thành các kỹ năng, kỹ xảo.</p>				
A05010	Giáo dục thể chất 3	<p>Cầu lông Khi tham gia học môn cầu lông, việc truyền đạt từng động tác kỹ thuật thông qua những buổi lên lớp đến sinh viên giúp sinh viên nắm bắt được kỹ thuật là điều mà giáo viên hướng dẫn mong muốn.</p> <p>Bóng đá Học phần giúp SV: nắm được lịch sử môn bóng đá, những lợi ích do tập luyện môn bóng đá đem lại; hiểu và nắm một số điều luật của bóng đá 5 người, 11 người và phương pháp tổ chức một giải đấu.</p>	15	30	Giáo dục thể chất 2	
Z06001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Trang bị những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, những quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân nhân, hiểu biết về nguồn gốc, bản chất chiến tranh, nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.</p> <p>Trang bị những kiến thức cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; những nội dung chủ yếu địch lợi dụng Chủ đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>Trang bị kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, động viên công nghiệp quốc phòng, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo</p>	30	60		

		vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.				
Z06002	Công tác quốc phòng và an ninh	Giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về phòng chống âm mưu diễn biến hòa bình; cách thức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; chủ quyền biển đảo; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống tội phạm.	30	60		Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
Z06003	Quân sự chung	Giúp người học nắm và thực hành được những kiến thức, kỹ năng kỹ, chiến thuật quân sự cơ bản, cần thiết như: bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình khối; chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK. Nội dung gồm: sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; cấp cứu ban đầu các vết thương chiến tranh; đội ngũ đơn vị; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng bài 1b tiểu liên AK.	45	90		Công tác quốc phòng và an ninh
Z06004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.	Hiểu được cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng và lịch sử quân, binh chủng ở Việt Nam, tham quan một số đơn vị quân sự ở địa phương.	15	30		Công tác quốc phòng và an ninh
F05007	Tiếng Trung 1 (2TC)	Học phần giúp SV: phát âm chuẩn các nguyên âm, phụ âm và nắm vững cơ bản về ngữ âm tiếng Trung Quốc; nắm vững các nét quy tắc viết các nét chữ Hán và vận hành được khoảng 150 từ vựng; thành thạo một số ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc.	30	60		
F05008	Tiếng Pháp 1 (2TC)	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và				

C
R
U
A
I
E
N



		kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc. Thông qua những bài học, sinh viên có thể tự tin trong những tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày khi tiếp xúc với người nói tiếng Pháp. Ngoài ra, người học còn được trang bị một số kiến thức về văn hoá Pháp.			
F05018	Tiếng Trung 2 (2TC)	Trong học phần này, SV được luyện tập và củng cố ngữ âm, chú trọng luyện ngữ điệu, ngữ khí và trọng âm. Thông qua giảng luyện bài khoá và mẫu câu đơn giản, sinh viên được bồi dưỡng những kỹ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết trong giai đoạn đầu; được bồi dưỡng thêm một lượng từ vựng, câu đơn giản; đọc thành thạo các từ ngữ, câu có phiên âm đi kèm; trau dồi thêm một số quy tắc ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc; được giới thiệu một lượng thích hợp kiến thức về văn hoá, đất nước con người Trung Quốc, nhằm giảm bớt trở ngại văn hoá trong việc học tiếng Trung Quốc.	30	60	Tiếng Trung 1
F05019	Tiếng Pháp 2 (2TC)	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn học phần 1 về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc. Thông qua các tình huống trong chương trình, người học có thể giao tiếp được trong một chừng mực nhất định khi gặp các tình huống tương tự. Người học còn được trang bị những kiến thức về đất nước học để có thể trao đổi một cách thoải mái.			Tiếng Pháp 1
F25004	Tiếng Trung 3 (2TC)	Trong học phần này, SV được bồi dưỡng những kỹ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết ở giai đoạn tiền trung cấp, đọc và biểu diễn những đoạn văn gần gũi đời sống, học tập, làm việc... trong cuộc sống hàng ngày, được giới thiệu nhiều hơn về kiến thức văn hoá, đất nước con người Trung Quốc, nhằm làm cho việc học tiếng Trung Quốc trở nên thú vị hơn.	45	90	Tiếng Trung 2
F25005	Tiếng Pháp 3 (2TC)	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn học phần 2 về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ			Tiếng Pháp 2

		năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc, đặc biệt là việc kể lại các sự kiện trong quá khứ cũng như đi vào thế giới của công việc. Thông qua các tình huống trong chương trình, người học có thể giao tiếp được trong một chừng mực nhất định khi gặp các tình huống tương tự với những người nói tiếng Pháp.				
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
2.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH						
F06005	Ngữ âm thực hành	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nhận biết các nguyên âm và phát âm đúng các nguyên âm trong trong từ; nhận biết các phụ âm và phát âm đúng các phụ âm trong trong từ; phát âm đúng những phụ âm bắt đầu và đứng cuối âm tiết hoặc từ; nhận biết được các trường hợp phát âm của âm “s” và “ed” ở cuối âm tiết; thông qua thực hành đọc nhấn trọng âm trong những từ có hai âm tiết, từ ghép và từ có nhiều âm tiết, sinh viên nhận ra quy luật cơ bản trong việc nhấn âm trong từ; nhấn âm đúng những từ chính trong câu, các đại từ, mạo từ, hình thức rút gọn và biết cách phát kết hợp từ phía trước và phía sau trong câu.	30		60	
F06033	Nhập môn ngôn ngữ Anh	Học phần được thiết kế để giúp định hướng cho sinh viên năm nhất về cuộc sống và học tập ở môi trường đại học. Trang bị cho các em những kiến thức và kỹ năng phát triển cá nhân để thích ứng với môi trường học tập mới, từ đó các em có thể chủ động, tự chủ trong quá trình học tập, nghiên cứu để chuẩn bị đầy đủ tri thức cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai.	15		30	
F06034	Nghe nói B1.1	Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng nghe nói tương đương trình độ A1 theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: thời trang, màu sắc trong thế giới tự nhiên được động vật dung như một vũ khí tự vệ và hiệu ứng màu sắc trong lĩnh vực xây dựng, tiêu chuẩn giao tiếp, games, gia đình. Học phần giúp sinh viên có thể nghe đoán được nội dung của bài nghe; nghe	60		120	

VÀ
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
 GIANG SƠN**

		<p>được ý chính và ý phụ, hiểu được thông tin bài nghe truyền tải dựa vào ngữ điệu, âm thanh.</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp giúp sinh viên xây dựng kỹ năng thuyết trình, hùng biện, tranh luận tương đương trình độ A1 theo khung tham chiếu châu Âu về các chủ đề sau: thời trang, thiết kế một ngôi nhà, hành vi giao tiếp tốt, đưa chỉ dẫn làm một việc nào đó, ý nghĩa của việc trở thành một thành viên trong gia đình.</p>				
F06035	Đọc B1.1	<p>Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: đọc lấy ý chính và ý chi tiết; sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn; đọc và nhận diện các loại bài đọc khác nhau; nhận ra ý hỗ trợ để giúp hiểu bài đọc, hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đọc biểu bảng để nắm thông tin khi đọc, đọc lướt để lấy ý chính, sử dụng biểu bảng để so sánh thông tin bài đọc.</p>	30		60	
F06036	Ngữ pháp cơ bản	<p>Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: hiểu rõ tầm quan trọng của việc nhận biết từ loại trong tiếng Anh, phân biệt được các loại từ dựa trên cấu tạo từ; nắm được các chức năng của từng từ loại và cách hình thành từng từ loại; sử dụng đúng tất cả các từ loại dựa theo chức năng của chúng; thì trong tiếng Anh và sử dụng đúng thì trong tiếng Anh.</p>	30		60	
F06037	Ngữ pháp trung cấp	<p>Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: sử dụng đúng thể bị động, nhận diện thì trong câu để chuyển đổi câu, nhận diện câu chủ động, bị động, biết khi nào nên dùng thể bị động; nhận diện được các dạng câu tường thuật và sử dụng đúng từng dạng; sử dụng đúng đảo ngữ khi cần thiết, biết mục đích của việc dùng lối đảo ngữ; sử dụng đúng câu điều kiện, câu ao ước; sử dụng đúng thể truyền khiến trong Tiếng Anh; nhận dạng đúng loại động từ để sử dụng đúng câu hỏi đuôi; sử dụng đúng các loại so sánh (hơn, nhất, bằng, không bằng, kép, liên đới) dùng với tính từ và trạng từ. Sử</p>	30		60	Ngữ pháp cơ bản

		dụng đúng quy luật hòa hợp chủ ngữ - động từ.			
F06038	Nghe nói B1.2	Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng nghe tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: tại sao trẻ em nên sáng tạo và phong trào bán sản phẩm tự làm, xử lý rác thải, kể một câu chuyện, ý nghĩa và cách dùng các con số trong cuộc sống, sức khỏe. Học phần giúp sinh viên có thể nghe đoán được nội dung của bài nghe; nghe được ý chính và ý phụ, hiểu được thái độ người nói thông qua ngữ điệu và nâng cao được khả năng nghe qua việc luyện tập nghe từ, nghe âm, từ được nhấn trong danh từ ghép, chỗ ngừng ngắt. -Học phần cung cấp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm giúp sinh viên xây dựng kỹ năng thuyết trình, hùng biện, tranh luận, kể chuyện tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: lợi ích của việc tự làm một đồ dùng nào đó, các cách xử lý rác thải, kể một câu chuyện, cách dùng các con số trong cuộc sống thường ngày, sức khỏe.	60	120	Nghe nói B1.1
F06039	Viết cơ bản	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: biết cách viết câu hoàn chỉnh theo nhiều cấu trúc, nhiều thể khác nhau, nhận dạng được các dạng lỗi sai thường gặp và viết câu đúng; biết cách viết câu không bị sai các lỗi về mẫu câu, loại câu; biết cách viết email, trả lời email và viết các mẫu ghi chú ngắn theo đúng nội dung, hình thức được yêu cầu.	30	60	Ngữ pháp nâng cao
F06040	Đọc B1.2	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: sử dụng kiến thức nền để phán đoán nội dung bài học và nghĩa của từ mới; đọc lấy ý chính và đọc để tìm ra những ý chi tiết; làm các loại bài tập về đọc lấy ý chính và đọc để tìm ra chi tiết cụ thể như yêu cầu.	30	60	Đọc 1.1
F06041	Ngữ pháp nâng cao	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nhận diện được các loại cụm từ, viết câu không sai lỗi về cụm từ lơ lửng; viết câu	30	60	Ngữ pháp trung cấp



		theo các mẫu câu, loại câu đã học, tránh viết câu chưa hoàn chỉnh, biết thể hiện ý của mình qua nhiều mẫu câu, loại câu đa dạng; nhận dạng mệnh đề chính, mệnh đề phụ và viết câu nhiều mệnh đề theo đúng quy tắc hợp thì; biết phân biệt và sử dụng phù hợp các thể trình bày, mệnh lệnh, câu khẩn.				
F06042	Nghe nói B1.3	<p>Học phần cung cấp các kiến thức về từ vựng, kỹ năng nghe tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: ảnh hưởng của ấn tượng đầu tiên, mặt tốt và mặt xấu của những món ăn, thức uống phổ biến, công việc của các chuyên gia nêm thức ăn, tầm quan trọng của thành công và ý nghĩa của sự thành công, lợi ích của thất bại, kinh nghiệm và ý kiến của một người về việc rời bỏ một công việc tốt, kinh nghiệm của một nhà báo kiêm nhà văn về công việc thăm lắng của họ, sự quan trọng của trách nhiệm đối với cộng đồng, trách nhiệm cá nhân trong đời sống thường ngày. Học phần giúp sinh viên có thể nghe đoán được nội dung của bài nghe; nghe được ý chính và ý phụ, và thực hành được các kỹ năng nghe bổ trợ như nghe đoán được nghĩa bóng, nghe được nguyên nhân kết quả...</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm giúp sinh viên xây dựng kỹ năng nói tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: thảo luận theo cặp về chủ đề “ấn tượng đầu tiên có chính xác không?”, phỏng vấn người khác về chủ đề món ăn yêu thích của họ, thảo luận về sự thành công và thất bại, thảo luận về lợi ích và mặt trái của mỗi sự kiện trong đời sống cá nhân, thảo luận về chủ đề “ chúng ta đã có trách nhiệm với thế giới chúng ta đang sống chưa?”</p>	60	120	Nghe nói B1.2	
F06043	Đọc B1.3	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: kỹ năng đọc hiểu lấy ý chính; đoán nội dung theo tiêu đề, đoán nghĩa từ của bài đọc;	30	60	Đọc 1.2	

		đọc để tìm ra những thông tin chi tiết; phán đoán nghĩa của từ mới xuất hiện trong bài đọc; tổng hợp thông tin và lựa chọn thông tin phù hợp theo yêu cầu.			
F06044	Viết trung cấp	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: biết cách thể hiện ý kiến, suy nghĩ, cảm xúc bằng từ ngữ; biết xác định nội dung cần thiết và liên quan để viết theo thể loại thư cần viết; biết viết đoạn có đầy đủ câu chủ đề, ý hỗ trợ, câu kết và mạch lạc, nhất quán; biết chuẩn bị ý, sắp xếp ý trước khi viết; kiểm tra lỗi sai, chỉnh sửa, viết lại đoạn văn.	30	60	Viết cơ bản
F06045	Viết nâng cao	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nhận dạng được loại biểu đồ; sử dụng mô tả những thay đổi và kết quả, hậu quả; sử dụng thì quá khứ trong mô tả biểu đồ; mô tả những quy trình hoạt động của máy móc, chu kì và tiến trình; viết đoạn văn mở đầu, câu mô tả chung và các câu mô tả chi tiết trong đoạn thân bài và câu kết luận; biết các loại bài luận phổ biến, lập dàn ý cho 1 bài luận; viết từng phần trong cấu trúc tổng quát của 1 bài luận; viết các loại bài luận so sánh/ tương phản; viết 1 bài luận về thuận lợi và bất lợi.	30	60	Viết trung cấp
F06046	Nghe nói B2.1	Học phần cung cấp các kiến thức về từ vựng, kỹ năng nghe tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: các phương pháp dùng trong quảng cáo; một nhà làm phim nói về cách họ gây quỹ cho bộ phim của mình; một nhà khoa học kể về hành trình khám phá Loch Ness Monster, tại sao con người lại chọn một nơi để sống; miêu tả về 3 thành phố lớn: Buenos Aires, Beijing, and Dubai; làm thế nào để quản lý tài chính cách khôn ngoan; mối liên hệ giữa tiền và hạnh phúc; ngôn ngữ Silbo; 2 phương thức giao tiếp để giữ liên lạc của học sinh ở 2 ngôi trường. Học phần giúp sinh viên có thể nghe đoán được nội dung của bài nghe; nghe được ý chính và ý phụ,	60	120	Nghe nói B1.3

C
R
A
I
E
N

		<p>và thực hành được các kỹ năng nghe bổ trợ như : xác định sự thật và ý kiến, nghe được số đếm, số thứ tự....</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm giúp sinh viên xây dựng kỹ năng nói tương đương trình độ B1+ theo khung tham chiếu châu âu về các chủ đề sau: thảo luận về việc quảng cáo thay đổi hành vi của con người như thế nào, thuyết trình về một việc mình đã liệu để làm, thuyết trình về một thành phố và đưa ra ý kiến của mình; thảo luận về mối liên hệ giữa tiền và hạnh phúc; thực hành đóng vai để thực hiện một cuộc điện thoại về một sự kiện gây xúc động để trả lời câu hỏi chúng ta có cần công nghệ để liên lạc ở khoảng cách xa không?.</p>			
F06047	Đọc B2.1	<p>Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: củng cố lại các kỹ năng đọc cơ bản đã học ở kỹ năng đọc 1A, 1B, 2A; khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc; đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh; phân biệt giữa sự thật và ý kiến chủ quan; phát triển các kỹ năng đọc nâng cao để có kỹ năng làm bài thi môn đọc của IELTS.</p>	30	60	Đọc 1.3
F06048	Nghe nói B2.2	<p>Học phần cung cấp kiến thức về kỹ năng nghe và nói tiếng Anh với nguồn từ vựng phong phú về một số chủ đề như tinh thần trách nhiệm hay quyền lực, diện mạo, sự phát triển, chăm sóc sức khỏe, và nghệ thuật,..., giúp sinh viên có thể vận dụng vào công việc cần đến kỹ năng nghe hiểu và giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hội thoại có liên quan đến các chủ đề đã học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm với thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm, để đáp ứng nhu cầu công việc.</p>	60	120	Nghe nói B 2.1
F06049	Đọc B2.2	<p>Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: đọc lấy ý chính và ý chi tiết, sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài</p>	30	60	Đọc 2.1

		tốt hơn, đọc và nhận diện các loại bài đọc khác nhau, điền vào bảng để nắm được ý chính, đọc tiêu đề phụ để đoán trước nội dung bài đọc, suy luận để hiểu bài đọc tốt hơn, viết ghi chú và tô sáng để tìm ý quan trọng, tìm thông tin chi tiết để hiểu bài đọc tốt hơn, hiểu được mục đích và các cách tổ chức bài đọc để có khả năng phê bình khi đọc và dùng bảng đối chiếu để tìm ra sự giống và khác nhau.				
F06050	Nghe nói C1.1	Học phần cung cấp kiến thức về kỹ năng nghe và nói tiếng Anh với nguồn từ vựng phong phú về một số chủ đề như phương tiện truyền thông mới, ngôn ngữ, việc làm và niềm vui trong công việc, sự sai lệch trong phản ánh hiện thực khách quan, và công dân toàn cầu,....giúp sinh viên có thể vận dụng vào công việc cần đến kỹ năng nghe hiểu và giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hội thoại có liên quan đến các chủ đề đã học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm với thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm, để đáp ứng nhu cầu công việc.	60		120	Nghe nói B 2.2
F06051	Đọc C1.1	Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể: đọc lấy ý chính và ý chi tiết, nhận ra ý của tác giả nghiêng về hướng nào để đánh giá đúng ý của học, đọc và nhận diện được các loại bài đọc khác nhau, điền vào bảng để nắm được ý chính, tìm được ý chi tiết trong bài đọc, dùng sườn bài để hiểu bài đọc được kết cấu như thế nào giúp học tốt hơn, sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn, hiểu được mục đích sử dụng của các câu nói trong ngoặc kép, phân biệt sự kiện và ý kiến, tìm ra được nguồn gốc thông tin, ghi chú trong bài đọc dạng kể chuyện và nhận ra ý không tán thành hay ý bác bỏ để đánh giá ý được nêu trong bài đọc.	30		60	Đọc 2.2
F06052	Nghe nói C1.2	Học phần cung cấp kiến thức về kỹ năng nghe và nói tiếng Anh với nguồn từ vựng phong phú về một số chủ đề như không gian riêng tư, tư duy sáng	60		120	Nghe nói C1.1

		<p>tạo, sự thay đổi, năng lượng, và kích cỡ và tâm cỡ,...giúp sinh viên có thể vận dụng vào công việc cần đến kỹ năng nghe hiểu và giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hội thoại có liên quan đến các chủ đề đã học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm với thái độ tích cực, chủ động và trách nhiệm, để đáp ứng nhu cầu công việc.</p>			
F06053	Đọc C1.2	<p>Thông qua học phần, người học có thể: đọc hiểu các bài đọc về tầm quan trọng của các phương tiện truyền thông, lịch sử của một số ngôn ngữ trên thế giới, các ý kiến khác nhau về định nghĩa của giải trí và nhiều cái nhìn khác nhau về sự nói dối...; nắm được các định nghĩa mới, kết nối từ và định nghĩa; mở rộng vốn từ vựng bằng cách sử dụng tiếp đầu ngữ và tiếp vĩ ngữ, bằng cách học từ đồng nghĩa; sử dụng được các từ vựng học thuật liên quan các chủ đề trên.</p>	30	60	Đọc C1.1
2.2. KIẾN THỨC NGÀNH					
F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn	<p>Học phần giới thiệu các định nghĩa nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ngôn ngữ và xã hội. Học phần giúp người học xác định được các loại nghiên cứu học và nhận thức được các quy định về đạo đức trong nghiên cứu; xác định và phân tích được những thành phần quan trọng trong một bài nghiên cứu khoa học (vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và kết luận), từ đó chỉ ra được những điểm mạnh và hạn chế của bài nghiên cứu; biết và thực hiện được các bước quan trọng khi thực hiện một nghiên cứu khoa học; xác định được một đề tài nghiên cứu có liên quan đến chuyên ngành và viết đề cương nghiên cứu cho đề tài đã chọn.</p>	30	60	Đọc C1.1
F07018	Ngoại khóa Ngôn ngữ Anh	<p>Học phần giúp người học: áp dụng các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Anh vào công việc thực tế; rèn luyện kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo bằng tiếng Anh; trau dồi</p>	30	15	Viết nâng cao

		<p>kiến thức về ngôn ngữ (Anh Việt) trong giao tiếp.</p> <p>Thông qua học phần, người học có thể nâng cao kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, sử dụng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm thông tin, trau dồi kỹ năng giao tiếp, tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin và kỹ năng đọc, viết và trình bày báo cáo, phân biệt các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế</p>				
F07004	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	<p>Học phần cung cấp cho người học một số vấn đề then chốt đối với các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế phổ biến như IELTS, TOEFL, TOEIC và GRE.</p> <p>Qua học phần, người học có thể làm quen và hiểu được cách thực hiện những bài thi này; đồng thời nắm bắt những chiến lược dài hạn và ngắn hạn để luyện thi và thi đạt kết quả cao trong các kỳ thi Tiếng Anh quốc tế.</p>	30		60	Nghe nói B2.2
F07019	Nói trước công chúng	<p>Học phần Nói trước công chúng (Public Speaking) giúp sinh viên hiểu rõ một số lý thuyết quan trọng trong các bước trình bày một văn bản trước công chúng, nắm vững một số các bước trình bày một văn bản trước công chúng hiệu quả. Thông qua học phần này, các sinh viên trang bị cho mình các kỹ năng căn bản để chuẩn bị và trình bày một bài nói trước công chúng một cách có hiệu quả, nắm được các yêu cầu cần thiết để biên soạn được một bài nói trước công chúng theo những mục đích khác nhau, khắc phục được sự sợ hãi và rèn luyện sự tự tin để trình bày văn bản và đối mặt với những câu hỏi đặt ra chi một bài nói trước công chúng, sử dụng khả năng nói chuyện lưu lốt của mình trong lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau liên quan đến việc xuất hiện trước công chúng.</p>	30		60	Nghe nói B2.2
F07021	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	<p>Học phần trình bày đặc điểm về đất nước và con người Anh và Mỹ; giúp người học đối sánh để tìm ra những nét chung và riêng giữa đất nước, con người Anh và Mỹ, hệ</p>	45		90	Nghe nói B2.2

		thống chính trị, đặc điểm kinh tế, xã hội, tín ngưỡng và lễ hội ở Anh, Mỹ; giúp người học thấy được ảnh hưởng của kinh tế đối với xã hội Anh, Mỹ và thế giới, hệ thống giáo dục, vai trò và tác động của giáo dục đến sự thành công trong cuộc sống.			
F07022	Văn học Anh - Mỹ	Học phần giúp người học nắm vững được sơ lược lịch sử văn học, các tác giả, nội dung của các tác phẩm văn học và điện ảnh tiêu biểu chọn lọc từ văn học Anh và văn học Mỹ; nắm vững các phong cách viết văn của nhiều tác giả; nâng cao hiểu biết về các nét văn hóa ẩn chứa trong các tác phẩm văn chương, khả năng tư duy độc và đồng cảm với các nhân vật để xây dựng quan điểm riêng của người học, khả năng cảm thụ văn học.	45	90	Độc C1.1
F07020	Lý thuyết ngữ âm	Sau khi kết thúc học phần Lý thuyết ngữ âm, người học có thể nắm bắt được những khái niệm cơ bản nhất trong ngữ âm học, cơ chế sản sinh âm thanh lời nói và hệ thống phiên âm quốc tế IPA (International Phonetic Alphabet) và sử dụng hệ thống IPA và chương trình Praat trong việc miêu tả, nhận diện, phân tích các hiện tượng ngữ âm học cụ thể.	30	60	Dẫn luận ngôn ngữ
F07007	Ngữ âm và hình thái học	Hiểu được hệ thống âm trong tiếng Anh và cách sử dụng; Phân biệt được m vị, Hình vị, các loại hình vị, các đặc tính của hình vị, các quá trình tạo từ mới, các đơn vị trong câu, các cụm từ, mệnh đề, câu, chức năng của các đơn vị trong câu; minh họa cấu trúc câu bằng sơ đồ hình cây; Ứng dụng kiến thức được cung cấp qua bộ môn vào việc sử dụng hiệu quả vốn từ tiếng Anh của mình và ứng dụng vào môi trường làm việc có sử dụng tiếng Anh sau khi tốt nghiệp.	30	60	Dẫn luận ngôn ngữ
F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	Học phần Cú pháp và Ngữ nghĩa học cung cấp cho người học khái niệm của cú pháp học, giúp người học hiểu và vận dụng được các loại văn phạm và đặc điểm của từng loại trong tiếng Anh, Học phần này cũng	30	60	Dẫn luận ngôn ngữ

		giải thích cho người học những khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học và đặc điểm của các loại nghĩa của từ trong ngữ cảnh.			
F27004	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần Dẫn luận Ngôn ngữ cung cấp cho người học những hiểu biết về bản chất của Ngôn ngữ và các khái niệm liên quan đến Ngôn ngữ, các thành tố liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh.	30	60	Nghe nói B2.1
F07005	Lý thuyết dịch	Học phần cung cấp cho người học các loại hình dịch thuật, sự khác biệt cơ bản của biên dịch và phiên dịch, nguyên tắc xác định loại hình dịch, các vấn đề về tương đương, mất và được trong dịch thuật, tình trạng không thể dịch, các phương pháp dịch thuật căn bản và các nguyên tắc căn bản liên quan đến dịch thuật. Qua đó người học có thể vận dụng cho quá trình dịch thuật.	30	60	Viết cơ bản
F07009	Biên dịch	Học phần cung cấp những kiến thức giúp người học có khả năng dịch đúng nội dung, ngữ pháp và văn phong từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại.	30	60	Lý thuyết dịch
F07010	Phiên dịch	Học phần cung cấp vốn kiến thức về phiên dịch và từ ngữ về các vấn đề trong du lịch như: hiểu biết về Phiên dịch, các loại phiên dịch, kỹ thuật ghi chú, danh lam thắng cảnh và đặc sản Việt Nam, điểm đến và đặc sản Đông Nam Á và các kỳ quan thế giới.	30	60	Lý thuyết dịch

2.3. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG

F27022	Khoá luận tốt nghiệp (NNA)	Học phần tạo điều kiện cho người học có cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học như: giúp người học hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; rèn luyện cho người học tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.	150	300	Điểm TBTL HK1 -> HK 6 Từ 2.5 trở lên
--------	----------------------------	--	-----	-----	--------------------------------------

Hoặc SV chọn 10 TC trong số các HP sau					
F27021	Biên dịch: Du lịch và lễ hành	Học phần cung cấp các thuật ngữ và những cấu trúc ngữ pháp thường dùng trong các mẫu đăng ký trước và lễ tân, các loại dịch vụ trong khách sạn, trong những mẫu, quảng cáo và mô tả các khu du lịch, điều hành các chuyến đi, về các vấn đề phân nản từ khách du lịch hoặc miêu tả các thắng cảnh, các từ ngữ cấu trúc dùng trong trong lĩnh vực văn hoá, lĩnh vực du lịch.	30	60	Lý thuyết dịch
F27020	Phiên dịch: Du lịch và lễ hành	Học phần cung cấp kiến thức giúp người học có thể phiên dịch đúng nội dung từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại, thể hiện đúng phát âm, ngữ điệu Tiếng Anh khi dịch từ Việt sang Anh, hiểu rõ ngữ cảnh và tiến trình công việc liên quan đến chủ đề du lịch lễ hành, biết đặc thù văn hóa Việt – Anh / Mỹ và các thành ngữ để dịch chính xác.	30	60	Lý thuyết dịch
F27007	Biên dịch Kỹ thuật	Học phần giúp người học: hiểu rõ một số vấn đề then chốt trong lý thuyết dịch thuật văn bản khoa học nói chung và kỹ thuật nói riêng; làm quen và hiểu được cách trình bày một số văn bản kỹ thuật; hiểu rõ và vận dụng kiến thức lý thuyết vào việc thực hành dịch một số từ chức năng và cấu trúc cú pháp trong văn bản kỹ thuật; hiểu rõ và vận dụng lý thuyết vào việc thực hành dịch thuật ngữ kỹ thuật; đối chiếu cấu tạo thuật ngữ kỹ thuật tiếng Anh và tiếng Việt; đối chiếu bản dịch sẵn và bản dịch do bản thân và nhóm dịch để tập thói quen phê bình và nâng cao khả năng biên dịch; thực hành dịch một số văn bản kỹ thuật từ Anh sang Việt và ngược lại.	45	90	Lý thuyết dịch
F27008	Biên dịch thư tín văn phòng	Sau khi hoàn thành học phần Biên dịch thư tín văn phòng sinh viên có thể biết được các từ ngữ và cách dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại về các vấn đề như: thư tín văn phòng; từ ngữ và cách dịch các thư xin việc; từ ngữ và cách dịch các thư mời nhập học và thư giới thiệu; từ ngữ và cách dịch các loại hồ sơ cá nhân; từ ngữ và cách dịch các loại thông báo; từ ngữ	45	90	Lý thuyết dịch

		<p>và cách dịch các loại hợp đồng; từ ngữ và cách dịch các thư mời, thư cảm ơn...</p> <p>Ngoài ra, học phần còn giúp người học phát triển các kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại các loại tài liệu bao gồm thư xin việc, thư mời nhập học và thư giới thiệu, hồ sơ, thông báo, lời mời, lời cảm ơn ... trong các lĩnh vực giáo dục, kinh tế và xã giao v.v..</p>				
F27023	Viết học thuật	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng viết luận nâng cao, theo dạng bài luận học thuật (academic essays) bao gồm các kiến thức, kỹ năng sau: Các bước cơ bản khi viết academic essays, cách thức tổ chức ý, khai triển ý và sắp xếp ý. Paraphrasing và summarizing trong academic và research essays. Tra cứu tài liệu từ nhiều nguồn và trích dẫn. Viết các dạng academic essays khác nhau: Argumentative essays, Expository essays, Compare-contrast essays, and Research essays. Sử dụng văn phong phù hợp với thể loại academic essays. Tạo cơ hội, khuyến khích sinh viên có suy nghĩ, thái độ học tập tích cực, tự học và hợp tác; sử dụng các nguồn tài liệu đa dạng trong học tập.</p>	30	60	Viết nâng cao	
F07017	Phương pháp giảng dạy Ngôn ngữ Anh	<p>Sinh viên tiếp thu các kiến thức cơ bản liên quan đến lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh và học các kỹ năng cần thiết để áp dụng các kiến thức đó vào cách dạy từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp Tiếng Anh và cách dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cách tổ chức lớp, cách rèn luyện học sinh làm việc theo từng cặp, nhóm, cách dùng bảng phấn, cách kiểm tra, đánh giá học sinh sau mỗi tiết dạy và sau mỗi giai đoạn trong học kỳ.</p>	30	60	Nghe nói B2.3	
F27024	Biên dịch môi trường	<p>Học phần cung cấp kiến thức giúp người học: có thể dịch đúng nội dung, ngữ pháp và văn phong từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại về chủ đề môi trường; sử dụng đúng các thuật ngữ về lĩnh vực môi trường khi dịch.</p>	30	60	Lý thuyết dịch	

		Ngoài ra, học phần giúp cho người học chọn đúng từ ngữ theo đúng ngữ cảnh và văn phong (word choice) và chọn hình thức của từ (word form) để dịch, lựa cấu trúc ngôn ngữ nhận thích hợp để diễn đạt ý của ngôn ngữ nguồn, hiểu và dịch đúng các câu có nghĩa mơ hồ, dùng đúng thành ngữ khi dịch, nhận dạng được lối nói nhấn mạnh (đảo ngữ) để dịch đúng từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt, biết cách dùng phép nhắc lại (repetition) và cách thay thế tương đương (equivalence) trong khi dịch.			
--	--	--	--	--	--

Chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 498/QĐ-DHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Khối lượng kiến thức của khoa học 04 năm là 120 tín chỉ (Không kể khối lượng kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TOÀN KHÓA

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP Học trước	Ghi chú
NĂM THỨ 1					
HỌC KỲ 1			14		
Học phần bắt buộc					
1	F06034	Nghe nói B1.1	4		
2	F06035	Đọc B1.1	2		
3	F06033	Nhập môn ngôn ngữ Anh	1		
4	F06036	Ngữ pháp cơ bản	2		
5	F06005	Ngữ âm thực hành	2		
6	A05008	Giáo dục thể chất 1	1		
7	A05005	Pháp luật đại cương	2		
HỌC KỲ 2			14		
Học phần bắt buộc					
1	F06037	Ngữ pháp trung cấp	2	Ngữ pháp cơ bản	
2	F06038	Nghe nói B1.2	4	Nghe nói B1.1	
3	F06040	Đọc B1.2	2	Đọc B1.1	

4	A05009	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất 1	
5	G05097	Tin học cơ sở	3		
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)					
6	F05007	Tiếng Trung 1 (2TC)	2		
7	F05008	Tiếng Pháp 1 (2TC)			
HỌC KỲ 3			14		
Học phần bắt buộc					
1	F06041	Ngữ pháp nâng cao	2	Ngữ pháp trung cấp	
2	Z05005	Triết học Mác – Lê nin	3		
3	F06042	Nghe nói B1.3	4	Nghe nói B1.2	
4	F06043	Đọc B1.3	2	Đọc B1.2	
5	A05010	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất 2	
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)					
6	F05018	Tiếng Trung 2 (2TC)	2		
7	F05019	Tiếng Pháp 2 (2TC)			
NĂM THỨ 2					
HỌC KỲ 4			10		
Học phần bắt buộc					
1	Z06001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
2	Z06002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	
3	Z06003	Quân sự chung	3	Công tác quốc phòng và an ninh	
4	Z06004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	1	Quân sự chung	
Học phần tự chọn(SV chọn 1 HP)					
5	F25004	Tiếng Trung 3 (2TC)	2	Tiếng Trung 2	
6	F25005	Tiếng Pháp 3 (2TC)			Tiếng Pháp 2
HỌC KỲ 5			14		
Học phần bắt buộc					
1	A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		
2	F06046	Nghe nói B2.1	4	Nghe nói B1.3	
3	F06039	Viết cơ bản	2	Ngữ pháp nâng cao	
4	F06047	Đọc B2.1	2	Đọc B1.3	

5	Z05006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác-Lênin	
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)					
6	A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt (2TC)	2		
7	H06001	Sinh thái học môi trường (2TC)			
8	A05031	Lịch sử văn minh phương tây (2TC)			
HỌC KỲ 6			14		
Học phần bắt buộc					
1	F06044	Viết trung cấp	2	Viết cơ bản	
2	F06048	Nghe nói B2.2	4	Nghe nói B2.1	
3	F06049	Đọc B2.2	2	Đọc B2.1	
4	F07005	Lý Thuyết Dịch	2	Viết cơ bản	
5	F27004	Dẫn luận ngôn ngữ	2	Nghe nói B2.1	
6	Z05007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
NĂM THỨ 3					
HỌC KỲ 7			14		
Học phần bắt buộc					
1	F06045	Viết nâng cao	2	Viết trung cấp	
2	F07009	Biên dịch	2	Lý Thuyết Dịch	
3	F07020	Lý thuyết ngữ âm	2	Dẫn luận ngôn ngữ	
4	F06050	Nghe nói C1.1	4	Nghe nói B2.3	
5	F06051	Đọc C1.1	2	Đọc B2.3	
6	F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn	2	Đọc C1.1	
HỌC KỲ 8			13		
Học phần bắt buộc					
1	F07010	Phiên dịch	2	Lý Thuyết Dịch	
2	F07021	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	Nghe nói B2.2	
3	F06052	Nghe nói C1.2	4	Nghe nói C1.1	
4	F06053	Đọc C1.2	2	Đọc C1.1	
5	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
HỌC KỲ 9			10		
1	F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	2	Dẫn luận ngôn ngữ	
2	Z05008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	F07007	Ngữ âm và hình thái	2	Dẫn luận ngôn ngữ	
4	F07018	Ngoại khóa Ngôn ngữ Anh	1	Viết nâng cao	

5	F07022	Văn học Anh – Mỹ	3	Đọc C1.1	
HỌC KỲ 10			14		
Học phần bắt buộc					
1	F07019	Nói trước công chúng	2	Nghe nói B2.2	
2	F07004	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	Nghe nói B2.2	
3	F27022	Khóa luận tốt nghiệp (NNA)	10	Điểm TBTL HK1 -> HK 6 Từ 2.5 trở lên	
Hoặc SV chọn 10 TC trong số các HP sau					
1	F27020	Phiên dịch: Du lịch và Lễ hành (2TC)	10	Lý Thuyết Dịch	
2	F27021	Biên dịch: Du lịch, lễ hành (2TC)		Lý Thuyết Dịch	
3	F27024	Biên dịch Môi trường (2TC)		Lý Thuyết Dịch	
4	F27007	Biên dịch Kỹ thuật (3TC)		Lý Thuyết Dịch	
5	F27023	Viết học thuật (2TC)		Viết nâng cao	
6	F07017	Phương pháp giảng dạy Ngôn ngữ Anh (2TC)		Nghe nói B2.3	
7	F27008	Biên dịch thư tín văn phòng (3TC)		Lý Thuyết Dịch	
HỌC KỲ 11 (DỰ TRỮ)					
HỌC KỲ 12 (DỰ TRỮ)					

Tổng số tín chỉ CTĐT:

120

(Không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh)

Giáo dục thể chất: 03 TC

Giáo dục quốc phòng: 08 TC

* Các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh có thể được tổ chức theo Kế hoạch riêng của Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào chương trình đào tạo sinh viên tham khảo ý kiến của cố vấn học tập để lập kế hoạch học tập cho toàn khóa học cho phù hợp. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường thông báo lịch học dự kiến cho từng ngành, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến, làm căn cứ để sinh viên đăng ký khối lượng học tập.

Ngoài các học phần đã tích lũy, để đạt được mục tiêu tốt nghiệp sinh viên phải tích lũy chứng chỉ kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường.

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển năm 2021 (khóa 7) và có thể được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về

năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học phù hợp với sự phát triển của đất nước, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành